

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Đào tạo cử nhân Tiếng Anh

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Tiếng Anh (English)

Loại hình đào tạo : Chính quy

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /QĐ-ĐHHV-ĐT ngày 28 tháng 01 năm 2010
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Cung cấp cho người học kiến thức tương đối toàn diện về ngôn ngữ tiếng Anh, về văn hoá xã hội và văn học Anh, Mỹ. Đảm bảo cho người học đạt được trình độ nghiệp vụ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như biên dịch, phiên dịch ở các hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế và xã hội, v.v...

1.2.2. Về kỹ năng

Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức độ tương đối thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường.

Trang bị cho người học phương pháp và kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học hoặc văn hoá văn minh của các nước cộng đồng ngôn ngữ.

1.2.3. Về phẩm chất đạo đức

Quán triệt sâu sắc đến người học sự lãnh đạo và đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các nội quy, quy định của nhà trường. Người học tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Có lối sống lành mạnh, đoàn kết gắn bó với mọi người.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ

Chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (150 tiết) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (165 tiết).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT, Trung cấp chuyên nghiệp hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Nội dung chương trình

ST T	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				LT	BT, TL	TH	Tự học	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (GDĐC)			45					
7.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc			39					
1	LC1501	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	50	25		150	
2	LC1202	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		60	1
3	LC1303	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		90	1; 2
4	TQ1301	Tiếng Trung (1)	3	45			90	
5	TQ1202	Tiếng Trung (2)	2	30			60	4
6	TQ1203	Tiếng Trung (3)	2	30			60	5
7	TC1007	Giáo dục thể chất	150t					
8	QP1008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165t					
9	TI1201	Tin học cơ sở	2	15		15	60	
10	KT1221	Kinh tế học đại cương	2	20	10		60	
11	LS1203	Lịch sử văn minh thế giới 1	2	28	2		60	
12	NV1201	Tiếng Việt thực hành	2	25		5	60	
13	VN1253	Ngôn ngữ học đối chiếu 2	2	25	5		60	
14	VN1251	Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	2	20	8	2	60	
15	LS1334	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	40	5		90	
16	NV1303	Dẫn luận ngôn ngữ	3	40	2	3	90	
17	LS1232	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	25	5		60	
18	ĐL1220	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	28		2	60	
7.1.2. Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần)			6					

19	LC1205	Logic học đại cương	2*	20	10		60	
20	LC 1207	Pháp luật đại cương	2*	20	10		60	
21	ĐL1219	Địa lý đại cương	2*	26		4	60	
22	LC1206	Thống kê xã hội học	2*	20	10		60	
23	NV1205	Phân tích văn bản tiếng Việt	2*	20		10	60	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			90					
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			25					
24	TA2301	Nghe 1 (Pre inter)	3	45			90	Elementary level
25	TA2302	Nói 1	3	45			90	
26	TA2303	Đọc 1	3	45			90	
27	TA2304	Viết 1	3	45			90	
28	TA2205	Nghe 2 (Inter)	2	30			60	24
29	TA2206	Nói 2	2	30			60	25
30	TA2207	Đọc 2	2	30			60	26
31	TA2208	Viết 2	2	30			60	27
32	TA2309	Ngữ pháp	3	45			90	28;29;30;31
33	TA2210	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	30			60	
7.2.2. Kiến thức giáo dục ngành			50					
a) Kiến thức ngành bắt buộc			44					
34	TA2311	Nghe nâng cao (Advanced)	3	45			90	28
35	TA2312	Nói nâng cao	3	45			90	29
36	TA2313	Đọc nâng cao	3	45			90	30
37	TA2314	Viết nâng cao	3	45			90	31
38	TA2215	Ngữ âm- âm vị học	2	30			60	34;35;36;37
39	TA2216	Ngữ nghĩa học	2	30			60	32;38;40
40	TA2217	Từ vựng học	2	30			60	34;35;36;37
41	TA2218	Văn học Anh - Mỹ	2	30			60	34;35;36;37
42	TA2219	Văn hoá Anh	2	30			60	14;34;35;36;37
43	TA2220	Văn hoá Mỹ	2	30			60	14;34;35;36;37
44	TA2221	Lí thuyết dịch	2	30			60	34;35;36;37
45	TA2322	Biên dịch 1	3	45			90	44
46	TA2323	Phiên dịch 1	3	45			90	44
47	TA2324	Biên dịch 2	3	45			90	45
48	TA2325	Phiên dịch 2	3	45			90	46
49	TA2326	Biên dịch 3	3	45			90	47
50	TA2327	Phiên dịch 3	3	45			90	48
b) Kiến thức ngành tự chọn			6					
<i>(Chọn 3 trong 5 học phần)</i>								

51	TA2228	Tiếng Anh công nghệ thông tin	2*	30			60	
52	TA2229	Tiếng Anh du lịch	2*	30			60	
53	TA2230	Tiếng Anh kinh tế	2*	30			60	
54	TA2231	Giao tiếp giao văn hoá	2*	30			60	
55	TA2232	Kỹ năng thuyết trình	2*	30			60	
7.2.3. Thực tập, khoá luận tốt nghiệp			15					
56	TA2333	Thực tập 1	3					
57	TA2534	Thực tập 2	5					
58	TA2735	Khoá luận tốt nghiệp	7					
Học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp								
59	TA2436	Kỹ năng tổng hợp (Advanced)	4	60			120	
60	TA2337	Ngữ pháp nâng cao	3	45			90	32
Cộng:			135					

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PSG.TS Cao Văn